

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
thu, chi ngân sách địa phương năm 2018**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH
KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 3543/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Xét Tờ trình số 1647a/TTr-UBND ngày 08/12/2017 của UBND huyện Vĩnh Linh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế xã hội và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2018 kèm theo các biểu mẫu số 15, 16, 17.

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân huyện:

Triển khai nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2018 cho từng ngành, từng lĩnh vực.

Tổ chức thực hiện công khai dự toán và quyết toán ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Chỉ đạo và thường xuyên tổ chức và kiểm tra việc sử dụng ngân sách đối với từng ngành, từng lĩnh vực đảm bảo chi ngân sách theo đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức, dự toán được giao. Đồng thời tổ chức xử lý kịp thời, đầy đủ những tồn tại, sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đã có kết luận bằng văn bản; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách.

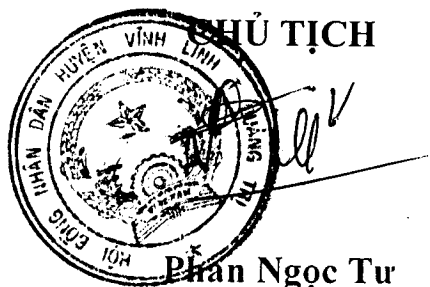
nhà nước trong quá trình quản lý điều hành ngân sách khi để xảy ra thất thoát, lãng phí, sử dụng ngân sách sai chế độ, chính sách. Không chuyển nhiệm vụ sang năm sau đối với những nhiệm vụ chi đã được bố trí dự toán năm trước (trừ các trường hợp được phép theo quy định).

Điều 3. Giao trách nhiệm cho Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tăng cường công tác giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Khóa V, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 22/12/2017 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. /

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMT TQVN huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- TAND, VKSNS huyện;
- Lưu: VP - VT. *tt*

**CHỦ TỊCH**
Phan Ngọc Tư

CAN ĐỘ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018
(Kèm theo **Quyết định số 35/QĐ-UBND** ngày 22 tháng 12 năm 2017 của UBND huyện)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao năm 2017	Dự toán huyện giao năm 2017	Ước thực hiện năm 2017	Dự toán tỉnh giao năm 2018	Dự toán huyện giao năm 2018	So sánh (3)	
							Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	6	6	7
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	376.168,0	481.007,2	485.795,6	389.206,00	583.585,66	97.790,0	120,1%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	59.541,0	164.380,2	89.846,90	69.700,00	264.079,66	174.232,8	293,9%
-	Thu NSDP hưởng 100%	15.931,0	15.931,0	15.860,90	16.500,00	16.500,00	639,1	104,0%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	43.610,0	148.449,2	73.986,00	53.200,00	247.579,66	173.593,7	334,6%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	316.627,0	316.627,0	368.808,0	319.506,0	319.506,0	(49.302,0)	86,6%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	309.787,0	309.787,0	309.787,0	309.787,0	309.787,0	-	100,0%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	6.840,0	6.840,0	59.021,0	9.719,00	9.719,00	(49.302,0)	16,5%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính						-	
IV	Thu kết dư			7.018,00			(7.018,0)	0,0%
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			20.122,72			(20.122,7)	0,0%
B	TỔNG CHI NSDP	376.168,00	481.007,20	458.714,00	389.206,00	583.585,66	102.578,46	121,3%
I	Tổng chi cân đối NSDP	369.328,00	474.167,20	451.874,00	385.740,00	580.119,66	105.952,46	122,3%
1	Chi đầu tư phát triển (1)	19.216,00	124.055,20	80.288,10	27.499,00	221.878,66	97.823,46	178,9%
2	Chi thường xuyên	342.725,00	342.725,00	371.586	350.525,00	350.525,00	7.800,00	102,3%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)						-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)						-	
5	Dự phòng ngân sách	7.387,00	7.387,00	0	7.716,00	7.716,00	329,00	104,5%
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương						-	
II	Chi các chương trình mục tiêu	6.840,00	6.840,00	6.840,00	3.466,00	3.466,00	(3.374,00)	50,7%
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia						-	



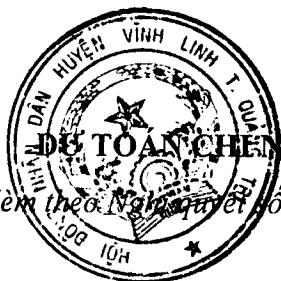
THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 35 /NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2017 của HĐND huyện)

Biểu mẫu số 16

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2017		Dự toán năm 2018		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN						
I	Thu nội địa	95.536,90	89.846,90	289.077,40	264.079,66	303%	294%
1	Thu từ kinh tế ngoài quốc doanh	31.330,00	31.330,00	28.185,00	28.185,00	90%	90%
2	Thuế thu nhập cá nhân	3.000,00	3.000,00	3.600,00	3.600,00	120%	120%
3	Thuế bảo vệ môi trường						
4	Lệ phí trước bạ	9.200,00	9.200,00	14.000,00	14.000,00	152%	152%
5	Thu phí, lệ phí	4.252,00	3.912,00	3.000,00	3.000,00	71%	77%
-	Phí và lệ phí trung ương	340,00		-		0%	
-	Phí và lệ phí tỉnh	-					
-	Phí và lệ phí huyện	3.213,00	3.213,00	2.200,00	2.200,00	68%	68%
-	Phí và lệ phí xã, phường	699,00	699,00	800,00	800,00	114%	114%
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	62,00	62,00	-	-	0%	0%
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	43,00	43,00	15,00	15,00	35%	35%
8	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	965,00	965,00	1.200,00	1.200,00	124%	124%
9	Thu tiền sử dụng đất	38.500,00	34.650,00	235.977,40	212.379,66	613%	613%
10	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	231,00	231,00			0%	0%
12	Thu khác ngân sách	2.320,00	820,00	1.800,00	400,00	78%	49%
13	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.587,90	1.587,90	1.300,00	1.300,00	82%	82%
14	Các khoản huy động, đóng góp	4.046,00	4.046,00	-	-	0%	0%



Biểu mẫu số 17

DỰ TOÁN CHIẾN LƯỢC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày

tháng 12 năm 2017 của HĐND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2017	Dự toán năm 2018	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	481.007,20	583.585,70	102.578,50	121,3%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	474.167,20	580.119,70	105.952,50	122,3%
I	Chi đầu tư phát triển	124.055,20	221.878,70	97.823,50	178,9%
1	Chi đầu tư cho các dự án			-	
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>			-	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			-	
-	Chi khoa học và công nghệ			-	
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>			-	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	115.639,20	212.379,70	96.740,50	183,7%
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			-	
2	Chi đầu tư phát triển khác			-	
II	Chi thường xuyên	342.725,00	350.525,00	7.800,00	102,3%
	<i>Trong đó:</i>			-	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	185.184,1	193.823,00	8.638,90	104,7%
2	Chi khoa học và công nghệ			-	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			-	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			-	
V	Dự phòng ngân sách	7.387,00	7.716,00	329,00	104,5%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			-	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	6.840,00	3.466,00	(3.374,00)	50,7%
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			-	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			-	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	6.840,00	3.466,00	(3.374,00)	50,7%
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)	6.840,00	3.466,00	(3.374,00)	50,7%
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			-	

Ghi chú: (1) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định công với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).